

Phụ lục 10/ Appendix 10

**VĂN BẢN CHỈ ĐỊNH/ GIẤY ỦY QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CHO ĐẠI
DIỆN GIAO DỊCH**

**POWER OF ATTORNEY FOR VIETNAM BASED TRADING REPRESENTATIVE/
AGENT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)*

I. Thông tin về các bên có liên quan

I. Information on relating parties

Chúng tôi là:

We,

1. Tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt của nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa tên tổ chức nước ngoài - tên trên Giấy phép thành lập/ đăng ký kinh doanh)/ Full name, transaction name, abbreviation name of Investor (the names should be input in capital letter and consistent with that on Certificate of Incorporation/ Certification of business registration):

2. Loại hình nhà đầu tư/ Category: Cá nhân/ Individual
Tổ chức/ Institution

3. Địa chỉ trụ sở chính của nhà đầu tư/địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân):.....

Head office address:

Tel.....fax.....email.....

4. Quốc tịch của nhà đầu tư/Certificate of Incorporation:

5. Giấy đăng ký NSH²/ Business License number.....

Do/ issued by:..... cấp ngày/ datedtháng.....năm.....

Có hiệu lực tới ngày/ valid totháng.....năm.....

6. Mã số giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Code number (if any):

Ngày cấp/ issued on:

7. Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/ Securities Custody number (if any):

Số tài khoản/ Securities Custody number:

.....

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Custodian name:.....

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address of the custodian.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số/ Depository License Number.....do UBCKNN
cấp ngày.....tháng...năm...../ issued by State Securities Commission on.....

8. Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Number:

Số tài khoản/ Securities Trading Number:

.....

Mở tại Công ty chứng khoán (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Securities Company

² Đối với cá nhân: số Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam

Name:.....

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty chứng khoán/ Address of Securities Company.....

Giấy phép thành lập và hoạt động số.....do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm..... Business License number..... issued by State Securities Commission on.....

9. Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (nếu có)/ Foreign Indirect Investment Account Number:

Số tài khoản/ Account number:

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Bank name.....

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số.....do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm.....Business License numberissued by State Securities Commission dated.....

10. Tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán tại ngân hàng (nếu có)/ Cash account for securities trading opened at a bank:

Số tài khoản/ Account number:.....

Mở tại Ngân hàng (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ at bank:.....

Địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng/ Address.....

Giấy phép thành lập và hoạt động số.....do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày.....tháng.....năm..... Business License number..... issued by State Bank on.....

Sau đây chỉ định/ hereby appoint

Ông (Bà)/ Mr, Mrs:

1. Họ và tên/ Full Name:

Giới tính/ Gender:

2. Ngày sinh/ DOB:

Nơi sinh/ Place of birth:

3. Quốc tịch/Nationality:

4. Số Hộ chiếu/CMND/Thẻ an sinh xã hội/ Passport number, ID/ Social Securities Number

Nơi cấp/ issued at:

Ngày cấp/ issued on:

5. Số Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (CCHN)/ Securities / Professional Licence for Securities trading:

Ngày cấp/ issued on:

6. Nơi làm việc (tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nơi làm việc)/ Place of Work's name:

Địa chỉ nơi làm việc/ Address

7. Tel:

Fax:

Email:

8. Địa chỉ thường trú/ Permanent Address:

9. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài/ Residence address:

Tel:

Fax:

Email:

10. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có)/ Address in Vietnam

Tel:

Fax:

Email:

Là đại diện giao dịch duy nhất cho(tên nhà đầu tư nước ngoài), thực hiện việc giao dịch, quyền cổ đông, đại diện phần vốn góp, thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin theo sự chỉ định, ủy quyền của(tên nhà đầu tư nước ngoài).

To be the sole trading representative for <name of foreign institutional investor> for trading activities, shareholder's rights, reporting, information disclosure in accordance with the power of attorney of <name of foreign institutional investor>.

Giấy chỉ định này có hiệu lực cho đến khi có Văn bản chỉ định, ủy quyền hủy bỏ bằng văn bản của.....(tên nhà đầu tư nước ngoài).

This power of attorney shall be valid until <Name of the foreign investor> issues a written notice of revocation.

**ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH
TRADING REPRESENTATIVE**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, name, title)*

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI/
AUTHORIED SIGNATORY FROM
FOREIGN INVESTOR**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))/
(Signature, name, title)*

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG CHỨNG HOẶC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CERTIFIED BY AUTHORIZED NOTARY PUBLIC OR AUTHORIZED AUTHORITY**